

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH HẬU GIANG**

Bản án số: 13/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 29/02/2024.

V/v xin ly hôn.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Nhân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Văn Trường.
2. Ông Nguyễn Văn Bình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Giàu, thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Ông Lâm Văn Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 02 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 05/2024/TLST- HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2024 về việc xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2024/QĐXX-ST ngày 15 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Huỳnh Thị T, sinh năm 1967. (có mặt)

Địa chỉ: ấp Đông Lợi, xã Đông Phước, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

- Bị đơn: Huỳnh Ngọc H, sinh năm 1967. (có mặt)

Địa chỉ: ấp Đông Lợi, xã Đông Phước, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 13/11/2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn Huỳnh Thị T trình bày:

Giữa nguyên đơn và bị đơn kết hôn vào ngày 29/12/1987 âm lịch, không làm lễ cưới theo truyền thống, không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, chung sống với nhau đến năm

2021 thì phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng trong tính tình, cách sống, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, đời sống chung vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, sống ly thân từ năm 2022 đến nay. Nguyên đơn yêu cầu giải quyết được ly hôn với bị đơn. Về con chung: con chung đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung, nợ cho vay: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn Huỳnh Ngọc H trình bày: Bị đơn và nguyên đơn kết hôn năm nào bị đơn không nhớ nhưng khoảng được 40 năm, không làm lễ cưới theo truyền thống, không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Chung sống với nhau thường xuyên phát sinh mâu thuẫn về kinh tế gia đình, mâu thuẫn về tính tình cách sống, mâu thuẫn phát sinh từ năm 2019. Quá trình chung sống có năm người con chung, con chung đã trưởng thành, không có tài sản chung không thiếu nợ ai hay cho ai vay nợ. Bị đơn không đồng ý ly hôn với nguyên đơn lý do còn thương nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Việc chấp hành tố tụng của đương sự theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không công nhận nguyên đơn và bị đơn là vợ chồng. Về con chung, về tài sản chung, nợ chung, nợ cho vay không có đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả việc hỏi, tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng và quan hệ pháp luật: Nguyên đơn khởi kiện về việc xin ly hôn với bị đơn nên đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình, căn cứ Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xác định đây là vụ án về việc xin ly hôn. Bị đơn có nơi cư trú tại ấp Đông Thuận, xã Đông Thạnh, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang, căn cứ Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xác định yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đúng trình tự thủ tục, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành nên được xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Giữa nguyên đơn Huỳnh Thị T và bị đơn Huỳnh Ngọc H tự nguyện tiến tới hôn nhân, không tổ chức lễ cưới theo truyền thống,

không đến cơ quan có thẩm quyền đăng ký kết hôn. Lời khai của nguyên đơn, nguyên đơn và bị đơn kết hôn vào ngày 29/12/1987 âm lịch (16/02/1988 dương lịch), bị đơn khai không nhớ rõ thời gian kết hôn, nên căn cứ lời khai về thời gian kết hôn của nguyên đơn. Như vậy xác định hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn không phải là hôn nhân thực tế theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình nên quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn là không hợp pháp. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng ý kiến trong cuộc sống về tính tình và cách sống, nguyên đơn và bị đơn đã cho nhau cơ hội nhưng không thể hàn gắn được với nhau, sống ly thân từ năm 2022 đến nay, vợ chồng tự ai nấy sống. Chứng tỏ quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Quá trình thụ lý giải quyết vụ án bị đơn không đồng ý ly hôn với nguyên đơn vì còn thương nguyên đơn, nhưng bị đơn cũng không có động thái gì hàn gắn hôn nhân giữa bị đơn và nguyên đơn. Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn, do nguyên đơn và bị đơn không có đăng ký kết hôn nên Tòa không công nhận nguyên đơn và bị đơn là vợ chồng, nên yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc không công nhận nguyên đơn và bị đơn là vợ chồng là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về con chung: Con chung đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử chưa xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung, nợ cho vay đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử chưa xem xét giải quyết.

[5] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, quyền kháng cáo các đương sự thực hiện theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- *Áp dụng:* Điều 28, 35, 39, 147, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015

Điều 9, 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

- *Tuyên xử:*

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn Huỳnh Thị T và bị đơn Huỳnh Ngọc H không phải là vợ chồng.

1.2. Về con chung: Con chung đã trưởng thành.

1.3. Về tài sản chung, nợ chung, nợ cho vay chưa xem xét giải quyết.

2. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn Huỳnh Thị T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) được khấu trừ 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0002812 ngày 12/01/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang, thành án phí, nguyên đơn không phải nộp thêm.

3. Đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

4. Trong trường hợp Bản án, Quyết định của Tòa án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự - thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- CCTHA huyện Châu Thành;
- UBND xã đã đăng ký kết hôn;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Nhân